

Số: /QĐ-STNMT-VP

Hà Nội, ngày tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai điều chỉnh, bổ sung dự toán thu, chi ngân sách năm 2024
Khối Văn phòng Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 12/2024/QĐ-UBND ngày 04/02/2024 của UBND Thành phố về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 6336/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của UBND thành phố Hà Nội về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2024 của thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1348/QĐ-STNMT-KHTC ngày 22/12/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và phân bổ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 cho các phòng và đơn vị trực thuộc Sở;

Căn cứ Quyết định số 1170/QĐ-STNMT-KHTC ngày 25/11/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc giao điều chỉnh, bổ sung dự toán thu, chi ngân sách thành phố năm 2024 cho các phòng, đơn vị trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1171/QĐ-STNMT-KHTC ngày 25/11/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc phân bổ điều chỉnh, bổ sung dự toán thu, chi ngân sách thành phố năm 2024 cho các phòng, đơn vị trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Sở.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Về việc công bố công khai điều chỉnh, bổ sung dự toán thu, chi ngân sách năm 2024 khối Văn phòng Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

(chi tiết theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Giao Trung tâm Công nghệ thông tin đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Sở theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh văn phòng, Trưởng các phòng thuộc khối Văn phòng Sở được giao quản lý, thực hiện nhiệm vụ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Giám đốc Sở (để báo cáo);
- TT CNTT (đăng tải trên web của Sở);
- Lưu: VT, TV, KHTC.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Anh Quân

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

PHÂN BỐ ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ NĂM 2024
KHỐI VĂN PHÒNG SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-STNMT-VP ngày tháng năm 2024
của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

Đơn vị: Văn phòng Sở Tài nguyên và Môi trường HN

Nơi mở TK: Kho bạc Nhà nước Hà Nội

Chương: 426, Mã ĐVQHNS: 1058255

ST T	Nội dung	Dự toán phân bổ đầu năm	Dự toán phân bổ sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
A	B	2	6	7
I	Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí			
1	Số thu phí, lệ phí	3.475	8.775	
1.1	Lệ phí	110	110	
-	Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất	100	100	
-	Lệ phí cấp phép hoạt động khoáng sản	10	10	
1.2	Phí	3.365	8.665	
-	Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết	50	550	
-	Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	2.000	2.000	
-	Phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất; Phí thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt; Phí thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất	150	150	
-	Phí thẩm định cấp phép hoạt động đo đạc bản đồ	300	300	
-	Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp	-	4.000	
-	Phí khai thác, sử dụng thông tin dữ liệu đo đạc và bản đồ	15	15	
-	Phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường	850	1.650	
2	Số phí, lệ phí nộp NSNN	8.775	8.775	

2.1	Lệ phí	110	110	
-	Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất	100	100	
-	Lệ phí cấp phép hoạt động khoáng sản	10	10	
2.2	Phí	3.365	8.665	-
-	Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết	50	550	
-	Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	2.000	2.000	
-	Phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất; Phí thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt; Phí thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất	150	150	
-	Phí thẩm định cấp phép hoạt động đo đạc bản đồ	300	300	
-	Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp		4.000	
-	Phí khai thác, sử dụng thông tin dữ liệu đo đạc và bản đồ	15	15	
-	Phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường	850	1.650	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	59.885	52.439	
1	Chi quản lý hành chính (Loại 340 - khoản 341)	41.790	47.034	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	27.132	33.913	
*	Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương (BHXH, BHYT,...)	15.563	19.291	
*	Chi khác ngoài lương (1)	11.569	14.622	
-	Chi đảm bảo hoạt động thường xuyên theo định mức phân bổ của biên chế công chức	9.885	12.214	
-	Chi đảm bảo hoạt động thường xuyên theo định mức phân bổ của hợp đồng lao động làm công việc thừa hành, phục vụ	1.172	1.795	
-	Chi sử dụng phương tiện phục vụ công tác chung	512	613	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	14.658	13.121	
*	Kinh phí ngân sách Thành phố bổ sung để thực hiện cải cách tiền lương	3.238	3.238	
*	Chi nghiệp vụ	11.420	9.783	

-	Kinh phí phục vụ công tác thanh tra liên ngành, giải quyết khiếu nại tố cáo về đất đai và môi trường	900	500	Thanh tra Sở
-	Kiểm tra liên ngành việc tuân thủ các quy định của Luật Tài nguyên nước và hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn Thành phố	60	45	Phòng TNN, Khoáng sản
-	Hỗ trợ hàng tháng đối với công chức làm chuyên trách về công nghệ thông tin	45	50	Văn phòng Sở
-	Xác định giá thu tiền sử dụng đất, thuê đất, đấu giá quyền sử dụng đất khi giao đất; bồi thường, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất	4.000	2.000	Phòng Kinh tế đất
-	Kinh phí xây dựng Bảng giá đất thành phố Hà Nội	4.640	4.640	Phòng Kinh tế đất
-	Kinh phí phục vụ thu phí và lệ phí thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường	1.000	1.898	Văn phòng Sở (chuyên 898tr từ CCBVMT)
-	Kiểm tra liên ngành việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các dự án, cơ sở đã được phê duyệt cấp phép môi trường	200	-	Phòng KTTV&B ĐKH
-	Kiểm tra liên ngành việc chấp hành pháp luật về quản lý chất thải rắn, bảo vệ môi trường đối với các cơ sở y tế đang hoạt động trên địa bàn Thành phố năm 2024	75	60	Phòng QLCTR
-	Triển khai các nhiệm vụ phát sinh, đột xuất theo chỉ đạo của UBND Thành phố	500	300	Văn phòng Sở
-	Xây dựng, sửa đổi bộ đơn giá sản phẩm xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất và định giá đất cụ thể trên địa bàn thành phố Hà Nội	-	290	Phòng KHTC
*	<i>Chi mua sắm, sửa chữa TSCĐ</i>	-	100	
-	Mua sắm máy móc, thiết bị phòng họp giao ban trực tuyến khối Văn phòng Sở Tài nguyên và môi trường	-	100	Văn phòng Sở
2	Chi sự nghiệp kinh tế (Loại 280 - khoản 332)	15.140	4.446	-
2.1	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	15.140	4.446	-
*	<i>Chi nghiệp vụ</i>	<i>15.140</i>	<i>4.446</i>	
-	Cập nhật bản đồ và lớp dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất thành phố Hà Nội	430	860	Phòng QHKHSD Đ
-	Kinh phí phục vụ công tác thực hiện thống kê đất đai	80	50	Phòng ĐKTKĐĐ
-	Lập phương án phân bổ, khoanh vùng đất đai và kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2021-2025.	4.730	-	
-	Điều tra, khoanh định các khu vực hạn chế khai thác nước dưới đất và đề xuất giải pháp thực hiện	4.000	1.200	Phòng TNN

-	Triển khai các hoạt động đối ngoại, hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu tại Thành phố Hà Nội (Thực hiện sau khi có chỉ đạo của UBND Thành phố)	-	1.000	Phòng QLMT
-	Kinh phí phục vụ công tác tổng kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất	500	100	Phòng ĐKTKĐĐ
-	Cập nhật mức lương cơ sở và các yếu tố cấu thành giá khác cho bộ đơn giá sản phẩm đo đạc địa chính trên địa bàn Thành phố	100	-	Phòng ĐĐBĐ&VT
-	Xây dựng đơn giá đo đạc trực tiếp phục vụ thành lập bản đồ địa hình tỷ lệ 1:500, 1:1000 và bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:2000, 1:5000	100	-	-
-	Triển khai Đề án "Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia" trên địa bàn thành phố Hà Nội	200	-	Phòng ĐĐBĐ&VT
-	Đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai, phân hạng đất đai phục vụ quy hoạch phát triển bền vững thành phố Hà Nội	4.500	200	Phòng QHKHSDĐ
-	Triển khai các nhiệm vụ phát sinh, đột xuất theo chỉ đạo của UBND Thành phố	500	200	Văn phòng Sở
+	Xây dựng định mức kinh tế-kỹ thuật và đơn giá sản phẩm thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất		7	Phòng ĐKTKĐĐ
-	Xây dựng một số chỉ tiêu cụ thể để áp dụng trong các phương pháp xác định giá đất trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền của UBND Thành phố	-	351	Phòng Kinh tế đất
-	Kiểm kê khí nhà kính và đề xuất giải pháp quản lý phát thải trên địa bàn thành phố Hà Nội	-	485	Phòng KTTV&BĐKH
3	Chi sự nghiệp môi trường (Loại 250 - Khoản 278)	2.955	959	-
3.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ không thường xuyên	2.955	959	-
*	<i>Chi nghiệp vụ</i>	2.955	959	-
	Công tác quan trắc, phân tích các thành phần môi trường (quan trắc, giám sát chất lượng môi trường tại các khu vực chôn lấp bãi rác và xử lý chất thải nguy hại)	2.305	-	-
	Quan trắc, giám sát chất lượng xử lý chất thải tại nhà máy điện rác Sóc Sơn	250	-	Phòng QLCTR
-	Triển khai các hoạt động tuyên truyền về bảo vệ môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học trên địa bàn Thành phố	-	128	Phòng QLMT
-	Triển khai một số nhiệm vụ tại các Kế hoạch của UBND Thành phố: số 160/KH-UBND ngày 3/7/2017; Chỉ thị số 15/CT-UBND ngày 18/9/2020	-	380	Phòng QLMT
-	Lập kế hoạch quản lý môi trường không khí Thành phố Hà Nội	-	100	Phòng QLMT

-	Thực hiện Đề án phục hồi chất lượng môi trường và phát triển hệ thống 04 sông nội đô Tô Lịch, Kim Ngưu, Lừ, Sét (Thực hiện sau khi Đề án được UBND Thành phố phê duyệt)	-	50	Phòng TNN
-	Xây dựng, cập nhật kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu trên địa bàn Thành phố Hà Nội	-	85	Phòng QLCTR
-	Kế hoạch ứng phó sự cố chất thải của Thành phố Hà Nội	-	20	Phòng KSONMT
-	Kinh phí triển khai các nhiệm vụ phát sinh, đột xuất theo chỉ đạo của UBND Thành phố	400	100	Văn phòng Sở
-	Xây dựng đề án tổng thể về thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn đến năm 2030		96	Phòng QLCTR
-	Xây dựng giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn thành phố Hà Nội		-	Phòng QLCTR